

BỘ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 25/2025/TT-BVHTTDL

Hà Nội, ngày 30 tháng 12 năm 2025

THÔNG TƯ**Quy định về định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ nghiên cứu, sưu tầm, kiểm kê, lập hồ sơ khoa học di sản văn hóa phi vật thể, tổ chức thực hành, trình diễn và truyền dạy di sản văn hóa phi vật thể**

Căn cứ Luật Di sản văn hóa ngày 23 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 64/2020/QH14, Luật số 07/2022/QH15, Luật số 24/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15, Luật số 43/2024/QH15, Luật số 56/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên;

Căn cứ Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Nghị định số 43/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Căn cứ Nghị định số 215/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định các biện pháp quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới, di sản văn hóa dưới nước, di sản văn hóa phi vật thể trong các Danh sách của UNESCO và Danh mục quốc gia về di sản văn hóa phi vật thể và chính sách đối với nghệ nhân, chủ thể di sản văn hóa phi vật thể;

Căn cứ Nghị định số 308/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Di sản văn hóa;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Di sản văn hóa,

Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch ban hành Thông tư quy định về định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ nghiên cứu, sưu tầm, kiểm kê, lập hồ sơ khoa học di sản văn hóa phi vật thể và tổ chức thực hành, trình diễn và truyền dạy di sản văn hóa phi vật thể.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Thông tư này quy định về định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước nghiên cứu, sưu tầm, kiểm kê, lập hồ sơ khoa học di sản văn hóa phi vật thể và tổ chức thực hành, trình diễn và truyền dạy di sản văn hóa phi vật thể, bao gồm: Nghiên cứu di sản văn hóa phi vật thể; sưu tầm di sản văn hóa phi vật thể; kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể; lập hồ sơ khoa học di sản văn hóa phi vật thể; tổ chức thực hành di sản văn hóa phi vật thể; tổ chức trình diễn di sản văn hóa phi vật thể; tổ chức truyền dạy di sản văn hóa phi vật thể.

2. Thông tư này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân sử dụng ngân sách nhà nước để cung cấp dịch vụ sự nghiệp công quy định tại khoản 1 Điều này (sau đây gọi là dịch vụ sự nghiệp công) và các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Quy định chung về định mức kinh tế - kỹ thuật

1. Định mức kinh tế - kỹ thuật được quy định tại Thông tư này là mức tối đa, được bảo đảm tính đúng, tính đủ để hoàn thành thực hiện cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước.

2. Chức danh lao động trong Bảng định mức kinh tế - kỹ thuật được xác định như sau:

a) Các chức danh lao động trong thành phần hao phí nhân công của bảng định mức áp dụng theo Thông tư số 10/2023/TT-BVHTTDL ngày 09 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch hướng dẫn về vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý và chức danh nghề nghiệp chuyên ngành, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch; Thông tư số 16/2021/TT-BVHTTDL ngày 22 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp và xếp lương viên chức chuyên ngành di sản văn hóa.

b) Trường hợp các chức danh lao động trong thành phần hao phí nhân công không có trong Thông tư số 10/2023/TT-BVHTTDL và Thông tư số 16/2021/TT-BVHTTDL thì áp dụng theo Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 117/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 204/2004/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2004 của Chính phủ về chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức và lực lượng vũ trang và Nghị định số 111/2022/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ về hợp đồng đối với một số loại công việc trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công hoặc xem xét quy đổi tương đương theo vị trí việc làm đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) Trường hợp hạng, bậc của chức danh lao động thực tế không như quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này thì cơ quan quản lý cấp trên của đơn vị

cung cấp dịch vụ sự nghiệp công xem xét, quyết định áp dụng hạng, bậc của chức danh lao động tương đương hoặc hạng của chức danh lao động đang làm việc và mức hao phí theo thực tế. Trong các trường hợp này phải bảo đảm chi phí về nhân công không vượt quá chi phí nhân công tính từ định mức tại Thông tư này.

d) Đối tượng là công chức, viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước khi tham gia triển khai các thành phần công việc trong quy trình cung cấp dịch vụ sự nghiệp công không áp dụng định mức hao phí nhân công quy định tại Thông tư này.

Điều 3. Nội dung, kết cấu định mức kinh tế - kỹ thuật

1. Nội dung định mức kinh tế - kỹ thuật bao gồm:

a) Hao phí nhân công: Là thời gian lao động trực tiếp và lao động gián tiếp cần thiết của các hạng, bậc lao động bình quân để hoàn thành việc thực hiện một dịch vụ sự nghiệp công. Mức hao phí của lao động trực tiếp là thời gian thực hiện các công đoạn được tính bằng công, mỗi công tương ứng với thời gian làm việc 01 ngày làm việc (8 giờ) của người lao động theo quy định của pháp luật về lao động. Mức hao phí của lao động gián tiếp tính bằng tỷ lệ 15% của tổng hao phí lao động trực tiếp tương ứng.

b) Hao phí về máy móc, thiết bị sử dụng: Là thời gian sử dụng cần thiết từng loại máy móc, thiết bị để phục vụ cho việc cung cấp dịch vụ sự nghiệp công. Mức hao phí máy móc, thiết bị trong định mức được tính bằng ca sử dụng máy, mỗi ca tương ứng với 01 ngày làm việc (08 giờ) theo quy định của pháp luật về lao động.

c) Hao phí vật liệu sử dụng: Là số lượng các loại vật liệu cụ thể và cần thiết sử dụng trực tiếp để phục vụ cho việc cung cấp dịch vụ sự nghiệp công. Mức hao phí trong định mức được tính bằng số lượng từng loại vật liệu cụ thể. Mức hao phí vật liệu phụ được tính bằng tỷ lệ 10% tổng giá trị hao phí vật liệu trong cùng bảng định mức.

2. Kết cấu của định mức kinh tế - kỹ thuật bao gồm các nội dung sau:

a) Tên định mức;

b) Thành phần công việc: Là nội dung các công đoạn chính để thực hiện cung cấp dịch vụ sự nghiệp công;

c) Bảng định mức, gồm:

- Hao phí nhân công: Chức danh và hạng, bậc lao động, đơn vị tính mức hao phí, trị số định mức hao phí lao động;

- Hao phí máy móc, thiết bị sử dụng: Tên loại máy móc hoặc thiết bị, đơn vị tính mức hao phí, trị số định mức hao phí máy móc, thiết bị sử dụng;

- Hao phí vật liệu sử dụng: Tên và quy cách vật liệu, đơn vị tính mức hao phí, trị số định mức hao phí vật liệu sử dụng;

- Trị số định mức hao phí: Là giá trị tính bằng số hao phí nhân công, hao phí máy móc, thiết bị sử dụng, hao phí vật liệu;

- Ghi chú: Là nội dung hướng dẫn của định mức trong các trường hợp điều kiện kỹ thuật khác nhau (nếu có) để thực hiện một đơn vị khối lượng công việc nhất định.

Điều 4. Định mức kinh tế - kỹ thuật thực hiện cung cấp dịch vụ sự nghiệp công

1. Định mức kinh tế - kỹ thuật thực hiện cung cấp dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước nghiên cứu di sản văn hóa phi vật thể được áp dụng nội dung và định mức chi theo Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; Thông tư 02/2023/TT-BKHCN ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước và các quy định khác có liên quan.

2. Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ sưu tầm di sản văn hóa phi vật thể được quy định chi tiết tại Phụ lục I ban hành kèm Thông tư này.

3. Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể được quy định chi tiết tại Phụ lục II ban hành kèm Thông tư này.

4. Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ lập hồ sơ khoa học di sản văn hóa phi vật thể được quy định chi tiết tại Phụ lục III ban hành kèm Thông tư này.

5. Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ tổ chức thực hành di sản văn hóa phi vật thể được quy định chi tiết tại Phụ lục IV ban hành kèm Thông tư này.

6. Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ tổ chức trình diễn di sản văn hóa phi vật thể được quy định chi tiết tại Phụ lục V ban hành kèm Thông tư này.

7. Định mức kinh tế - kỹ thuật dịch vụ tổ chức truyền dạy di sản văn hóa phi vật thể được quy định chi tiết tại Phụ lục VI ban hành kèm Thông tư này.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Căn cứ định mức kinh tế - kỹ thuật quy định tại Thông tư này, các bộ, ngành, cơ quan trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xem xét, quyết định áp dụng định mức cụ thể phù hợp với hoạt động cung cấp dịch vụ công thuộc phạm vi quản lý của địa phương.

2. Cơ quan, tổ chức sử dụng ngân sách nhà nước để triển khai cung ứng dịch vụ sự nghiệp công nghiên cứu, căn cứ điều kiện thực tế, đề xuất với cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định áp dụng định mức cụ thể.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 14 tháng 02 năm 2026.

2. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì thực hiện theo văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế mới được ban hành.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề phát sinh, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (qua Cục Di sản văn hóa) để xem xét, giải quyết./.

BỘ TRƯỞNG

Nguyễn Văn Hùng

Phụ lục I
ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT DỊCH VỤ
SƯU TẦM DI SẢN VĂN HÓA PHI VẬT THỂ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 25/2025/TT-BVHTTDL ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)

A. Mô tả nội dung công việc

STT	Nội dung công việc	Hạng, bậc viên chức tham gia
I	Khảo sát, lập kế hoạch sưu tầm di sản văn hóa phi vật thể	
1	Khảo sát về di sản văn hóa phi vật thể	Hạng III, bậc 2 hoặc tương đương
2	Xây dựng báo cáo khảo sát về di sản văn hóa phi vật thể	Hạng III, bậc 2 hoặc tương đương
3	Xây dựng mẫu phiếu thu thập thông tin phục vụ sưu tầm	Hạng III, bậc 2 hoặc tương đương
II	Điều dã, nghiên cứu, phỏng vấn, ghi chép, ghi âm, ghi hình và các hình thức khác khi di sản văn hóa phi vật thể đang được thực hành	
1	Phỏng vấn, ghi chép	Hạng III, bậc 2 hoặc tương đương
2	Ghi âm	Hạng III, bậc 2 hoặc tương đương
3	Ghi hình	Hạng III, bậc 2 hoặc tương đương
4	Lập phiếu thông tin di sản văn hóa phi vật thể sưu tầm	Hạng III, bậc 2 hoặc tương đương
5	Lập hồ sơ di sản văn hóa phi vật thể sưu tầm	Hạng III, bậc 2 hoặc tương đương
III	Tổng kết, đánh giá và nghiệm thu	
1	Xây dựng báo cáo kết quả sưu tầm	Hạng III, bậc 2 hoặc tương đương
2	Tổ chức Hội nghị xin ý kiến chuyên gia	Hạng III, bậc 2 hoặc tương đương
3	Nghiên cứu, tiếp thu giải trình, hoàn thiện hồ sơ	Hạng III, bậc 2 hoặc tương đương
4	Thành lập hội đồng đánh giá nghiệm thu	Hạng III, bậc 2 hoặc tương đương
5	Tổ chức đánh giá kết quả và nghiệm thu	Hạng III, bậc 2 hoặc tương đương

B. Bảng định mức

<i>Đơn vị tính: 01 cuộc sưu tầm đối với 01 di sản văn hóa phi vật thể phân bố trên địa bàn 01 đơn vị hành chính cấp xã</i>			
STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Trị số định mức
<i>Nhân công lao động trực tiếp</i>			
<i>I</i>	<i>Khảo sát, lập kế hoạch sưu tầm di sản văn hóa phi vật thể</i>		
1	Khảo sát về di sản văn hóa phi vật thể	Công	20
2	Xây dựng báo cáo khảo sát về di sản văn hóa phi vật thể	Công	12
3	Xây dựng mẫu phiếu thu thập thông tin phục vụ sưu tầm	Công	6
<i>II</i>	<i>Điền dã, nghiên cứu, phỏng vấn, ghi chép, ghi âm, ghi hình và các hình thức khác khi di sản văn hóa phi vật thể đang được thực hành</i>		
1	Phỏng vấn, ghi chép	Công	20
2	Ghi âm	Công	12
3	Ghi hình	Công	12
4	Lập phiếu thông tin di sản văn hóa phi vật thể sưu tầm	Công	15
5	Lập hồ sơ di sản văn hóa phi vật thể sưu tầm	Công	20
<i>III</i>	<i>Tổng kết, đánh giá và nghiệm thu</i>		
1	Xây dựng báo cáo kết quả sưu tầm	Công	10
2	Tổ chức Hội nghị xin ý kiến chuyên gia	Công	5
3	Nghiên cứu, tiếp thu giải trình, hoàn thiện hồ sơ	Công	12
4	Thành lập hội đồng đánh giá nghiệm thu	Công	3

5	Tổ chức đánh giá kết quả và nghiệm thu	Công	5
<i>Nhân công lao động gián tiếp (tương đương 15%)</i>			
			152

Máy móc, thiết bị sử dụng

STT	Tên máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Trị số định mức
1	Máy tính để bàn có kết nối internet	Ca	Theo thực tế
2	Máy tính xách tay có kết nối internet	Ca	Theo thực tế
3	Máy in laser A4	Ca	Theo thực tế
4	Máy ghi âm	Ca	Theo thực tế
5	Máy Flycam	Ca	Theo thực tế
6	Máy quay camer	Ca	Theo thực tế
7	Máy ảnh	Ca	Theo thực tế

Vật liệu sử dụng

STT	Tên vật liệu sử dụng	Đơn vị tính	Trị số định mức
1	Giấy A4	Tờ	Theo thực tế
2	Mực in laser A4	Hộp	Theo thực tế
3	Cặp tài liệu hồ sơ lưu	Chiếc	Theo thực tế
4	Bút bi	Chiếc	Theo thực tế
5	Thiết bị lưu dữ liệu	Chiếc	Theo thực tế
6	Vật liệu phụ	%	10

Ghi chú:

- Trường hợp di sản văn hóa phi vật thể phân bố trên địa bàn 02 đơn vị hành chính cấp xã hoặc đối với các di sản văn hóa phi vật thể có nguy cơ mai một, thất truyền, được quy định tại Điều 18 Luật Di sản văn hoá số 45/2024/QH15, cơ quan, tổ chức, cá nhân trực tiếp liên quan đến việc triển khai cung cấp dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước căn cứ khối lượng công việc và yêu cầu bảo đảm việc cung cấp dịch vụ công áp dụng tối đa không quá 1,5 lần trị số định mức tại bảng định mức phụ lục này.

Phụ lục II
ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT DỊCH VỤ
KIỂM KÊ DI SẢN VĂN HÓA PHI VẬT THỂ

(Ban hành kèm theo Thông tư số 25/2025/TT-BVHTTDL ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch)

A. Mô tả nội dung công việc

STT	Nội dung công việc	Hạng công chức, viên chức tham gia
I	Lập, phê duyệt kế hoạch kiểm kê; kế hoạch rà soát, cập nhật, đưa ra khỏi Danh mục kiểm kê di sản văn hóa	
1	Lập kế hoạch kiểm kê	Hạng III, bậc 2 và tương đương Tính theo thời gian thực tế
2	Lập kế hoạch rà soát, cập nhật, đưa ra khỏi Danh mục kiểm kê di sản văn hóa	Hạng III, bậc 2 và tương đương
3	Nghiên cứu thu thập tư liệu, thông tin hiện có liên quan đến đối tượng kiểm kê	Hạng III, bậc 2 và tương đương
4	Xây dựng báo cáo kết quả thu thập tư liệu, thông tin hiện có liên quan đến đối tượng kiểm kê	Hạng III, bậc 2 và tương đương
II	Tập huấn cho những người tham gia kiểm kê	
1	Biên soạn tài liệu tập huấn kiểm kê	Hạng III, bậc 2 và tương đương
2	Hội nghị đánh giá nghiệm thu tài liệu tập huấn kiểm kê	Hạng III, bậc 2 và tương đương
3	Tổ chức tập huấn kiểm kê	Hạng III, bậc 2 và tương đương
III	Khảo sát điền dã, thu thập tư liệu, thông tin về đối tượng kiểm kê	
1	Thu thập tư liệu, thông tin về đối tượng kiểm kê	Hạng III, bậc 2 và tương đương
2	Điền thông tin vào phiếu kiểm kê (theo mẫu)	Hạng IV, bậc 2 và tương đương
3	Tập hợp, phân tích, đánh giá thông tin trên phiếu kiểm kê	Hạng III, bậc 2 và tương đương
4	Xây dựng báo cáo phân tích, tổng hợp, đánh giá thông tin tư liệu, thông tin về đối tượng kiểm kê	Hạng III, bậc 2 và tương đương
IV	Lập danh mục kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể	
1	Điền thông tin vào Danh mục kiểm kê	Hạng III, bậc 2 và tương đương
2	Tập hợp, hoàn thiện Danh mục kiểm kê	Hạng III, bậc 2 và tương đương
V	Tổng hợp, đánh giá, báo cáo kết quả kiểm kê sơ bộ và thông báo với cộng đồng địa phương	

1	Tổng hợp, đánh giá, lập báo cáo kết quả kiểm kê sơ bộ	Hạng III, bậc 2 và tương đương
2	Hội nghị xin ý kiến cộng đồng địa phương về kết quả kiểm kê	Hạng III, bậc 2 và tương đương
3	Tiếp thu, giải trình, hoàn thiện hồ sơ	Hạng III, bậc 2 và tương đương
VI	Lập hồ sơ kiểm kê	
1	Tập hợp Báo cáo kết quả kiểm kê; Phiếu kiểm kê; Danh mục kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể; Bản cam kết bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể; Bảng ghi âm, ghi hình, ảnh, sơ đồ, bản đồ, bản vẽ (nếu có); Nhật ký khảo sát điền dã và các tài liệu khác có liên quan	Hạng III, bậc 2 và tương đương
2	Tổ chức hội nghị, hội thảo về kết quả kiểm kê	Hạng III, bậc 2 và tương đương
3	Nghiên cứu tiếp thu, giải trình hoàn thiện hồ sơ kiểm kê	Hạng III, bậc 2 và tương đương
VII	Tổng kết, đánh giá và nghiệm thu	
1	Xây dựng báo cáo kiểm kê	Hạng III, bậc 2 và tương đương
2	Xin ý kiến chuyên gia phản biện	Hạng III, bậc 2 và tương đương
3	Nghiên cứu, tiếp thu giải trình, hoàn thiện hồ sơ	Hạng III, bậc 2 và tương đương
4	Thành lập hội đồng đánh giá nghiệm thu	Hạng III, bậc 2 và tương đương
5	Tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả kiểm kê	Hạng III, bậc 2 và tương đương

B. Bảng định mức

<i>Đơn vị tính: 01 cuộc kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể phân bố trên địa bàn 01 đơn vị hành chính cấp xã</i>			
STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Trị số định mức
Nhân công lao động trực tiếp			
I	Lập, phê duyệt kế hoạch kiểm kê; kế hoạch rà soát, cập nhật, đưa ra khỏi Danh mục kiểm kê di sản văn hóa		
1	Lập kế hoạch kiểm kê	Công	4
2	Lập kế hoạch rà soát, cập nhật, đưa ra khỏi Danh mục kiểm kê di sản văn hóa	Công	2,5

3	Nghiên cứu thu thập tư liệu, thông tin hiện có liên quan đến đối tượng kiểm kê	Công	9
4	Xây dựng báo cáo kết quả thu thập tư liệu, thông tin hiện có liên quan đến đối tượng kiểm kê	Công	3
<i>II Tập huấn cho những người tham gia kiểm kê</i>			
1	Biên soạn tài liệu tập huấn kiểm kê	Công	12
2	Hội nghị đánh giá nghiệm thu tài liệu tập huấn kiểm kê (Theo Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị; Thông tư số 12/2025/TT-BTC ngày 19 tháng 3 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2017/TT-BTC)	Cuộc	
3	Tổ chức tập huấn kiểm kê (Theo Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị; Thông tư số 2/2025/TT-BTC ngày 19 tháng 3 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2017/TT-BTC)	Cuộc	
4	Lập phiếu kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể	Công	10
<i>III Khảo sát điền dã, thu thập tư liệu, thông tin về đối tượng kiểm kê</i>			
1	Thu thập tư liệu, thông tin về đối tượng kiểm kê	Công	12
2	Điền thông tin vào phiếu kiểm kê (theo mẫu, đối với 01 di sản văn hóa phi vật thể)	Công	0,5
3	Tập hợp, phân tích, đánh giá thông tin trên phiếu kiểm kê	Công	5
4	Xây dựng báo cáo phân tích, tổng hợp, đánh giá thông tin tư liệu, thông tin về đối tượng kiểm kê	Công	10
<i>IV Lập danh mục kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể</i>			
1	Điền thông tin vào Danh mục kiểm kê	Công	5
2	Tập hợp, hoàn thiện Danh mục kiểm kê	Công	5
<i>V Tổng hợp, đánh giá, báo cáo kết quả kiểm kê sơ bộ và thông báo với cộng đồng địa phương</i>			
1	Tổng hợp, đánh giá, lập báo cáo kết quả kiểm kê sơ bộ	Công	7,5
2	Hội nghị xin ý kiến cộng đồng địa phương về kết quả kiểm kê (Theo Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị; Thông tư số 12/2025/TT-BTC ngày	Cuộc	

	19 tháng 3 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2017/TT-BTC)		
3	Tiếp thu, giải trình, hoàn thiện hồ sơ	Công	6
<i>VI</i>	<i>Lập hồ sơ kiểm kê</i>		
1	Tập hợp Báo cáo kết quả kiểm kê; Phiếu kiểm kê; Danh mục kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể; Bảng ghi âm, ghi hình, ảnh; Nhật ký khảo sát điền dã và các tài liệu khác có liên quan	Công	12
2	Tổ chức hội nghị, hội thảo về kết quả kiểm kê (Theo Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị; Thông tư số 12/2025/TT-BTC ngày 19 tháng 3 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2017/TT-BTC)	Cuộc	
3	Nghiên cứu tiếp thu, giải trình hoàn thiện hồ sơ kiểm kê	Công	6
<i>VII</i>	<i>Tổng kết, đánh giá và nghiệm thu</i>		
1	Xây dựng báo cáo kiểm kê	Công	7
2	Xin ý kiến chuyên gia phản biện	Công	6
3	Nghiên cứu, tiếp thu giải trình, hoàn thiện hồ sơ	Công	6
4	Thành lập hội đồng đánh giá nghiệm thu	Công	6
5	Tổ chức đánh giá, nghiệm thu kết quả kiểm kê	Công	5
	<i>Nhân công lao động gián tiếp (tương đương 15%)</i>		
			177,5

Máy móc, thiết bị sử dụng

Stt	Tên máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Trị số định mức
1	Máy tính có kết nối internet	Ca	Theo thực tế
2	Máy in laser A4	Ca	Theo thực tế
3	Máy ghi âm	Ca	Theo thực tế
4	Máy Flycam	Ca	Theo thực tế
5	Máy ghi hình	Ca	Theo thực tế

Vật liệu sử dụng			
Stt	Tên vật liệu sử dụng	Đơn vị tính	Trị số định mức
1	Giấy A4	Tờ	Theo thực tế
2	Mực in laser A4	Hộp	Theo thực tế
3	Cặp tài liệu hồ sơ lưu	Chiếc	Theo thực tế
4	Bút bi	Chiếc	Theo thực tế
5	Thiết bị lưu dữ liệu	Chiếc	Theo thực tế
6	Vật liệu phụ	%	10

Ghi chú:

- Trường hợp di sản văn hóa phi vật thể phân bố trên địa bàn 02 đơn vị hành chính cấp xã hoặc đối với các di sản văn hóa phi vật thể có nguy cơ mai một, thất truyền, được quy định tại Điều 18 Luật Di sản văn hoá số 45/2024/QH15, cơ quan, tổ chức, cá nhân trực tiếp liên quan đến việc triển khai cung cấp dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước căn cứ khối lượng công việc và yêu cầu đảm bảo việc cung cấp dịch vụ công áp dụng tối đa không quá 1,5 lần trị số định mức tại bảng định mức phụ lục này.

Phụ lục III
ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT DỊCH VỤ
LẬP HỒ SƠ KHOA HỌC DI SẢN VĂN HÓA PHI VẬT THỂ
(Ban hành kèm theo Thông tư số 25/2025/TT-BVHTTDL ngày 30 tháng 12 năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch)

A. Mô tả nội dung công việc

STT	Nội dung công việc	Hạng, bậc viên chức tham gia
I	Khảo sát lập kế hoạch lập hồ sơ khoa học di sản văn hóa phi vật thể	
1	Khảo sát, thu thập tư liệu, thông tin hiện có liên quan đến đối tượng lập hồ sơ	Hạng III, bậc 2 hoặc tương đương Tính theo thời gian thực tế
2	Báo cáo kết quả khảo sát, thu thập tư liệu, thông tin hiện có liên quan đến đối tượng lập hồ sơ	Hạng III, bậc 2 hoặc tương đương
3	Xây dựng phiếu khảo sát, thu thập tư liệu, thông tin về hiện trạng di sản	Hạng III, bậc 2 hoặc tương đương
4	Xây dựng thuyết minh kế hoạch lập hồ sơ di sản văn hóa phi vật thể	Hạng III, bậc 2 hoặc tương đương
II	Lập hồ sơ khoa học di sản văn hóa phi vật thể	
1	Khảo sát, thu thập tư liệu, thông tin về hiện trạng di sản văn hóa phi vật thể	Hạng III, bậc 2 hoặc tương đương
2	Phân tích, xử lý, tổng hợp, đánh giá thông tin khảo sát, thu thập tư liệu, thông tin về hiện trạng di sản văn hóa phi vật thể	Hạng III, bậc 2 hoặc tương đương
3	Lập lý lịch di sản văn hóa phi vật thể	Hạng III, bậc 2 hoặc tương đương
4	Xứ lý, biên tập, tập hợp ảnh di sản	Hạng III, bậc 2 hoặc tương đương
5	Xây dựng kịch bản, biên tập, viết lời bình, dựng phim về di sản văn hóa phi vật thể (Bản ghi hình di sản văn hóa phi vật thể)	Hạng III, bậc 2 hoặc tương đương
6	Tổng hợp, biên tập Bản ghi âm di sản văn hóa phi vật thể	Hạng III, bậc 2 hoặc tương đương
7	Tập hợp, biên tập tư liệu khảo sát điền dã có liên quan tới di sản văn hóa phi vật thể	Hạng III, bậc 2 hoặc tương đương
8	Lập Bản cam kết bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể của cá nhân hoặc đại diện của nhóm, cộng đồng chủ thể, người thực hành di sản văn hóa phi vật thể	Hạng III, bậc 2 hoặc tương đương
9	Xin ý kiến cộng đồng về hồ sơ khoa học di sản văn hóa phi vật thể	Hạng III, bậc 2 hoặc tương đương
10	Nghiên cứu, tiếp thu giải trình, hoàn thiện hồ sơ	Hạng III, bậc 2 hoặc tương đương
III	Tổng kết, đánh giá và nghiệm thu	
1	Xây dựng báo cáo tổng kết	Hạng III, bậc 2 hoặc tương đương

2	Xin ý kiến chuyên gia phản biện	Hạng III, bậc 2 hoặc tương đương
3	Hội thảo về kết quả lập hồ sơ	Hạng III, bậc 2 hoặc tương đương
4	Nghiên cứu, tiếp thu giải trình, hoàn thiện báo cáo	Hạng III, bậc 2 hoặc tương đương
5	Tổ chức đánh giá kết quả và nghiệm thu	Hạng III, bậc 2 hoặc tương đương

B. Bảng định mức

<i>Đơn vị tính: 01 hồ sơ về di sản văn hóa phi vật thể phân bố trên địa bàn 01 đơn vị hành chính cấp xã</i>			
STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Trị số định mức
<i>Nhân công lao động trực tiếp</i>			
<i>I Khảo sát lập kế hoạch lập hồ sơ khoa học di sản văn hóa phi vật thể</i>			
1	Khảo sát, thu thập tư liệu, thông tin hiện có liên quan đến đối tượng lập hồ sơ	Công	15
2	Báo cáo kết quả khảo sát, thu thập tư liệu, thông tin hiện có liên quan đến đối tượng lập hồ sơ	Công	10
3	Xây dựng phiếu khảo sát, thu thập tư liệu, thông tin về hiện trạng di sản	Công	2,5
4	Xây dựng thuyết minh kế hoạch lập hồ sơ di sản văn hóa phi vật thể	Công	15
<i>II Lập hồ sơ khoa học di sản văn hóa phi vật thể</i>			
1	Khảo sát, thu thập tư liệu, thông tin về hiện trạng di sản	Công	15
2	Phân tích, xử lý, tổng hợp, đánh giá thông tin khảo sát, thu thập tư liệu, thông tin về hiện trạng di sản	Công	10
3	Lập lý lịch di sản văn hóa phi vật thể	Công	15
4	Xử lý, biên tập, tập hợp ảnh di sản	Công	10

5	Xây dựng kịch bản, biên tập, viết lời bình, dựng phim về di sản văn hóa phi vật thể (Bản ghi hình di sản văn hóa phi vật thể) (<i>Áp dụng Quy định về tiêu chí, tiêu chuẩn, nội dung, quy trình và định mức kinh tế - kỹ thuật sản xuất phim truyện điện ảnh, phim tài liệu, phim khoa học, phim hoạt hình phục vụ thiếu nhi theo chính sách sản xuất phim đặt hàng và quay tư liệu các sự kiện lớn của đất nước; sản xuất phim truyện và chương trình phục vụ đồng bào miền núi, vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo sử dụng ngân sách nhà nước (Ban hành kèm theo Quyết định số 2484 /QĐ-BVHTTDL ngày 21 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch)</i>)	Bản (Phim)	
6	Tổng hợp, biên tập Bản ghi âm di sản văn hóa phi vật thể	Công	9
7	Tập hợp, biên tập tư liệu khảo sát điền dã có liên quan tới di sản văn hóa phi vật thể	Công	15
8	Lập Bản cam kết bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể của cá nhân hoặc đại diện của nhóm, cộng đồng chủ thể văn hóa, người thực hành di sản văn hóa phi vật thể	Công	10
9	Tổ chức Hội nghị xin ý kiến cộng đồng về hồ sơ khoa học di sản văn hóa phi vật thể (Định mức chi theo Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 7 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị; Thông tư số 12/2025/TT-BTC ngày 19 tháng 3 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2017/TT-BTC)		
10	Nghiên cứu, tiếp thu giải trình, hoàn thiện hồ sơ	Công	3
III	<i>Tổng kết, đánh giá và nghiệm thu</i>		
1	Xây dựng báo cáo tổng kết	Công	12
2	Xin ý kiến chuyên gia phản biện	Công	8,5
3	Hội thảo về kết quả lập hồ sơ (<i>Theo Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị; Thông tư số 12/2025/TT-BTC ngày 19 tháng 3 năm 2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2017/TT-BTC)</i>)	Cuộc	

4	Nghiên cứu, tiếp thu giải trình, hoàn thiện báo cáo	Công	7
5	Tổ chức đánh giá kết quả và nghiệm thu	Công	15
Nhân công lao động gián tiếp (tương đương 15%)			
			172

Máy móc, thiết bị sử dụng

Stt	Tên máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Trị số định mức
1	Máy tính có kết nối internet	Ca	Theo thực tế
2	Máy in laser A4	Ca	Theo thực tế
3	Máy ghi âm	Ca	Theo thực tế
4	Máy Flycam	Ca	Theo thực tế
5	Máy ghi hình	Ca	Theo thực tế

Vật liệu sử dụng

STT	Tên vật liệu sử dụng	Đơn vị tính	Trị số định mức
1	Giấy A4	Tờ	Theo thực tế
2	Mực in laser A4	Hộp	Theo thực tế
3	Cặp tài liệu hồ sơ lưu	Chiếc	Theo thực tế
4	Bút bi	Chiếc	Theo thực tế
5	Thiết bị lưu dữ liệu	Chiếc	Theo thực tế
6	Vật liệu phụ	%	10

Ghi chú:

- Trường hợp di sản văn hóa phi vật thể phân bố trên địa bàn 02 đơn vị hành chính cấp xã hoặc đối với các di sản văn hóa phi vật thể có nguy cơ mai một, thất truyền, được quy định tại Điều 18 Luật Di sản văn hoá số 45/2024/QH15, cơ quan, tổ chức, cá nhân trực tiếp liên quan đến việc triển khai cung cấp dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước căn cứ khối lượng công việc và yêu cầu đảm bảo việc cung cấp dịch vụ công áp dụng tối đa không quá 1,5 lần trị số định mức tại bảng định mức phụ lục này.

Phụ lục IV
ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT DỊCH VỤ
TỔ CHỨC THỰC HÀNH DI SẢN VĂN HÓA PHI VẬT THỂ
(Ban hành kèm theo Thông tư số 25/2025/TT-BVHTTDL ngày 30 tháng 12 năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch)

A. Mô tả nội dung công việc

STT	Nội dung công việc	Hạng công chức, viên chức tham gia
I	Khảo sát lập kế hoạch tổ chức thực hành di sản văn hóa phi vật thể	
1	Khảo sát thu thập thông tin phục vụ hoạt động lập kế hoạch tổ chức thực hành di sản văn hóa phi vật thể	Hạng III, bậc 2 và tương đương Tính theo thời gian thực tế
2	Lập kế hoạch tổ chức thực hành di sản văn hóa phi vật thể	Hạng III, bậc 2 và tương đương
II	Tổ chức thực hành di sản văn hóa phi vật thể	
1	Xây dựng chương trình thực hành di sản văn hóa phi vật thể	Hạng III, bậc 2 và tương đương
2	Luyện tập nghệ nhân tham gia chương trình thực hành	Hạng III, bậc 2 và tương đương
3	Sơ duyệt chương trình thực hành di sản văn hóa phi vật thể	Hạng III, bậc 2 và tương đương
4	Tổng duyệt chương trình thực hành di sản văn hóa phi vật thể	Hạng III, bậc 2 và tương đương
5	Tổ chức thực hành di sản văn hóa phi vật thể	Hạng III, bậc 2 và tương đương
III	Tổng kết, đánh giá và nghiệm thu	
1	Xây dựng báo cáo tổng kết	Hạng III, bậc 2 và tương đương
2	Tổ chức đánh giá nghiệm thu	Hạng III, bậc 2 và tương đương

B. Bảng định mức

<i>Đơn vị tính: 01 cuộc tổ chức thực hành đối với 01 di sản văn hóa phi vật thể phân bố trên địa bàn 01 đơn vị hành chính cấp xã</i>			
STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Trị số định mức
	Nhân công lao động trực tiếp		
I	Khảo sát lập kế hoạch tổ chức thực hành di sản văn hóa phi vật thể		
1	Khảo sát thu thập thông tin phục vụ hoạt động lập kế hoạch tổ chức thực hành di sản văn hóa phi vật thể	Công	15

2	Lập kế hoạch tổ chức thực hành di sản văn hóa phi vật thể	Công	9
<i>II Tổ chức thực hành di sản văn hóa phi vật thể</i>			
1	Xây dựng chương trình thực hành di sản văn hóa phi vật thể	Công	9
2	Luyện tập nghệ nhân tham gia chương trình thực hành	Công	26,75
3	Sơ duyệt chương trình thực hành di sản văn hóa phi vật thể	Công	10
4	Tổng duyệt chương trình thực hành di sản văn hóa phi vật thể	Công	10
5	Tổ chức thực hành di sản văn hóa phi vật thể	Cuộc	27
6	Nghệ nhân, người thực hành tham gia vào chương trình thực hành (áp dụng theo quy định của Nghị định số 215/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định các biện pháp quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới, di sản văn hóa dưới nước, di sản văn hóa phi vật thể trong các Danh sách của UNESCO và Danh mục quốc gia về di sản văn hóa phi vật thể và chính sách đối với nghệ nhân, chủ thể di sản văn hóa phi vật thể; Nghị định 308/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Di sản văn hóa.)		
<i>III Tổng kết, đánh giá và nghiệm thu</i>			
1	Xây dựng báo cáo tổng kết	Công	15
2	Tổ chức đánh giá nghiệm thu	Công	15
<i>Nhân công lao động gián tiếp (tương đương 15%)</i>			
			136,75

Máy móc, thiết bị sử dụng

STT	Tên máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Trị số định mức
1	Máy tính có kết nối internet	Ca	Theo thực tế
2	Máy in laser A4	Ca	Theo thực tế

3	Máy ghi âm	Ca	Theo thực tế
4	Máy Flycam	Ca	Theo thực tế
5	Máy ghi hình	Ca	Theo thực tế

Vật liệu sử dụng			
STT	Tên vật liệu sử dụng	Đơn vị tính	Trị số định mức
1	Giấy A4	Tờ	Theo thực tế
2	Mực in laser A4	Hộp	Theo thực tế
3	Cặp tài liệu hồ sơ lưu	Chiếc	Theo thực tế
4	Bút bi	Chiếc	Theo thực tế
5	Thiết bị lưu dữ liệu	Chiếc	Theo thực tế
6	Vật liệu phụ	%	10

Ghi chú:

- Trường hợp di sản văn hóa phi vật thể có nguy cơ mai một, thất truyền được quy định tại Điều 18 Luật Di sản văn hoá số 45/2024/QH15, cơ quan, tổ chức, cá nhân trực tiếp liên quan đến việc triển khai cung cấp dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước căn cứ khối lượng công việc và yêu cầu bảo đảm việc cung cấp dịch vụ công áp dụng tối đa không quá 1,5 lần trị số định mức tại bảng định mức phụ lục này.

Phụ lục V
ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT DỊCH VỤ
TỔ CHỨC TRÌNH DIỄN DI SẢN VĂN HÓA PHI VẬT THỂ
(Ban hành kèm theo Thông tư số 25/2025/TT-BVHTTDL ngày 30 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch)

A. Mô tả nội dung công việc

STT	Nội dung công việc	Hạng công chức, viên chức tham gia
I	Khảo sát lập kế hoạch tổ chức trình diễn di sản văn hóa phi vật thể	
1	Khảo sát thu thập thông tin làm cơ sở lập kế hoạch tổ chức trình diễn di sản văn hóa phi vật thể	Hạng III, bậc 2 và tương đương Tính theo thời gian thực tế
2	Lập kế hoạch tổ chức trình diễn di sản văn hóa phi vật thể	Hạng III, bậc 2 và tương đương
II	Tổ chức trình diễn di sản văn hóa phi vật thể	
1	Xây dựng chương trình trình diễn di sản văn hóa phi vật thể	Hạng III, bậc 2 và tương đương
2	Luyện tập nghệ nhân tham gia chương trình trình diễn	Hạng III, bậc 2 và tương đương
3	Sơ duyệt chương trình trình diễn di sản văn hóa phi vật thể	Hạng III, bậc 2 và tương đương
4	Tổng duyệt chương trình trình diễn di sản văn hóa phi vật thể	Hạng III, bậc 2 và tương đương
5	Tổ chức trình diễn di sản văn hóa phi vật thể	Hạng III, bậc 2 và tương đương
III	Tổng kết, đánh giá và nghiệm thu	
1	Xây dựng báo cáo tổng kết	Hạng III, bậc 2 và tương đương
2	Tổ chức đánh giá nghiệm thu	Hạng III, bậc 2 và tương đương

B. Bảng định mức

<i>Đơn vị tính: 01 cuộc tổ chức trình diễn đối với 01 di sản văn hóa phi vật thể phân bố trên địa bàn 01 đơn vị hành chính cấp xã</i>			
STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Trị số định mức
Nhân công lao động trực tiếp			
I	Khảo sát lập kế hoạch tổ chức trình diễn di sản văn hóa phi vật thể		
1	Khảo sát thu thập thông tin làm cơ sở lập kế hoạch tổ chức trình diễn di sản văn hóa phi vật thể	Công	12

2	Lập kế hoạch tổ chức trình diễn di sản văn hóa phi vật thể	Công	6
<i>II Tổ chức trình diễn di sản văn hóa phi vật thể</i>			
1	Xây dựng chương trình trình diễn di sản văn hóa phi vật thể	Công	6
2	Luyện tập nghệ nhân tham gia chương trình trình diễn	Công	26
3	Sơ duyệt chương trình trình diễn di sản văn hóa phi vật thể	Công	20
4	Tổng duyệt chương trình trình diễn di sản văn hóa phi vật thể	Công	15
5	Tổ chức trình diễn di sản văn hóa phi vật thể	Công	25
6	Nghệ nhân, người thực hành tham gia vào chương trình thực hành (áp dụng theo quy định của Nghị định số 215/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định các biện pháp quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới, di sản văn hóa dưới nước, di sản văn hóa phi vật thể trong các Danh sách của UNESCO và Danh mục quốc gia về di sản văn hóa phi vật thể và chính sách đối với nghệ nhân, chủ thể di sản văn hóa phi vật thể; Nghị định 308/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Di sản văn hóa.)		
<i>III Tổng kết, đánh giá và nghiệm thu</i>			
1	Xây dựng báo cáo tổng kết	Công	10
2	Tổ chức đánh giá nghiệm thu	Công	15
Nhân công lao động gián tiếp (tương đương 15%)			
			135

Máy móc, thiết bị sử dụng			
STT	Tên máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Trị số định mức
1	Máy tính có kết nối internet	Ca	Theo thực tế
2	Máy in laser A4	Ca	Theo thực tế
3	Máy ghi âm	Ca	Theo thực tế
4	Âm thanh	Ca	Theo thực tế
5	Ánh sáng	Ca	Theo thực tế
6	Màn hình Led	Ca	Theo thực tế
7	Máy ghi hình	Ca	Theo thực tế
8	Hội trường	Ngày	Theo thực tế
9	Máy chiếu	Ca	Theo thực tế

Vật liệu sử dụng			
STT	Vật liệu sử dụng	Đơn vị tính	Trị số định mức
1	Giấy A4	Tờ	Theo thực tế
2	Mực in laser A4	Hộp	Theo thực tế
3	Cặp tài liệu hồ sơ lưu	Chiếc	Theo thực tế
4	Bút bi	Chiếc	Theo thực tế
5	Thiết bị lưu dữ liệu	Chiếc	Theo thực tế
6	Vật liệu phụ	%	10

Ghi chú:

- Trường hợp di sản văn hóa phi vật thể có nguy cơ mai một, thất truyền, được quy định tại Điều 18 Luật Di sản văn hoá số 45/2024/QH15, cơ quan, tổ chức, cá nhân trực tiếp liên quan đến việc triển khai cung cấp dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước cần căn cứ khối lượng công việc và yêu cầu bảo đảm việc cung cấp dịch vụ công áp dụng tối đa không quá 1,5 lần trị số định mức tại bảng định mức phụ lục này.

Phụ lục VI
ĐỊNH MỨC KINH TẾ - KỸ THUẬT DỊCH VỤ
TỔ CHỨC TRUYỀN DẠY DI SẢN VĂN HÓA PHI VẬT THỂ
(Kèm theo Thông tư số 25/2025/TT-BVHTTDL ngày 30 tháng 12 năm 2025
của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch)

A. Mô tả nội dung công việc

STT	Nội dung công việc	Hạng công chức, viên chức tham gia
I	Khảo sát lập kế hoạch tổ chức truyền dạy di sản văn hóa phi vật thể	
1	Khảo sát thu thập thông tin liên quan đến đối tượng truyền dạy di sản văn hóa phi vật thể	Hạng III, bậc 2 và tương đương Tính theo thời gian thực tế
2	Lập kế hoạch tổ chức truyền dạy di sản văn hóa phi vật thể	Hạng III, bậc 2 và tương đương
II	Tổ chức truyền dạy di sản văn hóa phi vật thể	
1	Xây dựng chương trình truyền dạy di sản văn hóa phi vật thể	Hạng III, bậc 2 và tương đương
2	Luyện tập nghệ nhân tham gia chương trình truyền dạy	Hạng III, bậc 2 và tương đương
3	Sơ duyệt chương trình truyền dạy di sản văn hóa phi vật thể	Hạng III, bậc 2 và tương đương
4	Tổng duyệt chương trình truyền dạy di sản văn hóa phi vật thể	Hạng III, bậc 2 và tương đương
5	Tổ chức truyền dạy di sản văn hóa phi vật thể	Hạng III, bậc 2 và tương đương
III	Tổng kết, đánh giá và nghiệm thu	
1	Xây dựng báo cáo tổng kết	Hạng III, bậc 2 và tương đương
2	Tổ chức đánh giá nghiệm thu	Hạng III, bậc 2 và tương đương

B. Bảng định mức

<i>Đơn vị tính: 01 cuộc tổ chức truyền dạy ngắn hạn (không quá 15 ngày) đối với 01 di sản văn hóa phi vật thể phân bố trên địa bàn 01 đơn vị hành chính cấp xã</i>			
STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Trị số định mức
Nhân công lao động trực tiếp			
I	Khảo sát lập kế hoạch tổ chức truyền dạy di sản văn hóa phi vật thể		
1	Khảo sát thu thập thông tin liên quan đến đối tượng truyền dạy di sản văn hóa phi vật thể	Công	15
2	Lập kế hoạch tổ chức truyền dạy di sản văn hóa phi vật thể	Công	20
II	Tổ chức truyền dạy di sản văn hóa phi vật thể		

1	Thu thập, tổng hợp tài liệu về di sản văn hóa phi vật thể	Công	20
2	Biên soạn tài liệu phục vụ truyền dạy di sản văn hóa phi vật thể	Công	15
3	Tổ chức đánh giá, nghiệm thu, thông qua tài liệu phục vụ truyền dạy di sản văn hóa phi vật thể	Công	15
4	Tổ chức truyền dạy di sản văn hóa phi vật thể	Công	15
5	Nghệ nhân, người thực hành tham gia vào chương trình thực hành (áp dụng theo quy định của Nghị định số 215/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định các biện pháp quản lý, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa và thiên nhiên thế giới, di sản văn hóa dưới nước, di sản văn hóa phi vật thể trong các Danh sách của UNESCO và Danh mục quốc gia về di sản văn hóa phi vật thể và chính sách đối với nghệ nhân, chủ thể di sản văn hóa phi vật thể; Nghị định 308/2025/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Di sản văn hóa.)		
<i>III</i>	<i>Tổng kết, đánh giá và nghiệm thu</i>		
1	Xây dựng báo cáo tổng kết	Công	15
2	Tổ chức đánh giá nghiệm thu	Công	15
	<i>Nhân công lao động gián tiếp (tương đương 15%)</i>		
			130

<i>Máy móc, thiết bị sử dụng</i>			
STT	Tên máy móc, thiết bị	Đơn vị tính	Trị số định mức
1	Máy tính có kết nối internet	Ca	Theo thực tế
2	Máy in laser A4	Ca	Theo thực tế
3	Hội trường	Ngày	Theo thực tế
4	Máy chiếu	Ca	Theo thực tế

5	Máy ghi âm	Ca	Theo thực tế
6	Máy ghi hình	Ca	Theo thực tế

<i>Vật liệu sử dụng</i>			
STT	Vật liệu sử dụng	Đơn vị tính	Trị số định mức
1	Giấy A4	Tờ	Theo thực tế
2	Mực in laser A4	Hộp	Theo thực tế
3	Cặp tài liệu hồ sơ lưu	Chiếc	Theo thực tế
4	Bút bi	Chiếc	Theo thực tế
5	Thiết bị lưu dữ liệu	Tờ	Theo thực tế
6	Vật liệu phụ	%	10